

Số: 4664 /QĐ-ĐHYDCT

Cần Thơ, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 372/NQ-HĐT- ĐHYDCT ngày 27/01/2021 của Hội đồng trường về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT- ĐHYDCT ngày 03/11/2023 của Hội đồng trường ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3459/QĐ-ĐHYDCT ngày 17/10/2023 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên và Bảng điểm đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên đối với sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

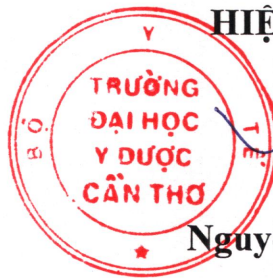
Điều 1: Ban hành Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Đào tạo đại học, Trưởng phòng Tài chính kế toán; Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PHT Trần Viết An;
- Lưu: VT, CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trung Kiên

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ



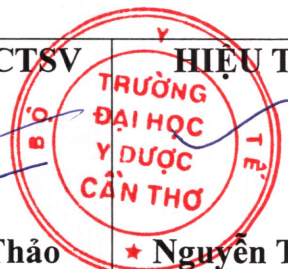



QUY TRÌNH
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

Mã quy trình: QT.CTSV.09

Ngày ban hành: 29/12/2023

Lần ban hành: 02

<p>Người viết</p>  <p>Nguyễn Thọ Sơn</p>	<p>Trưởng phòng CTSV</p>  <p>Ngô Phương Thảo</p>	<p>HIỆU TRƯỞNG</p>  <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ</p>  <p>★ Nguyễn Trung Kiên</p>
---	--	---

I. Mục đích

Quy trình này hướng dẫn trình tự, cách thực hiện và các yêu cầu thống nhất cho việc đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (sau đây gọi tắt là Trường) nhằm cụ thể hoá các bước thực hiện, nâng cao hiệu quả công tác đánh giá, phân loại kết quả rèn luyện sinh viên, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý sinh

II. Phạm vi

- Phạm vi: Quy trình này áp dụng cho cho việc chấm điểm, tổng hợp, thông qua hội đồng xét duyệt và công nhận kết quả rèn luyện sinh viên.

- Đối tượng: Quy trình này áp dụng cho tất cả sinh viên hệ đại học chính quy và liên thông của Trường, các đơn vị và cá nhân liên quan thuộc Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

III. Căn cứ pháp lý và tài liệu tham chiếu

- Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

- Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Căn cứ Nghị quyết số 372/NQ-HĐT- ĐHYDCT ngày 27/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT- ĐHYDCT ngày 03/11/2023 của Hội đồng trường ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

- Căn cứ Quyết định số 774/QĐ-ĐHYDCT ngày 17/8/2017 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ ban hành Quy định Công tác sinh viên hệ đại học

- Căn cứ Quyết định số 3459/QĐ-ĐHYDCT ngày 17/10/2023 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên và Bảng điểm đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên đối với sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

IV. Thuật ngữ, định nghĩa, Chữ viết tắt

- Thuật ngữ, định nghĩa:

+ Điểm rèn luyện là điểm đạt được khi đánh giá về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của sinh viên trên 05 tiêu chí đánh giá, theo thang điểm 100, cụ thể:

1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập (từ 0 đến 20 điểm);
2. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Trường (từ 0 đến 25 điểm);
3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (từ 0 đến 20 điểm);

4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (từ 0 đến 25 điểm);
5. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (từ 0 đến 10 điểm).

+ Điểm rèn luyện ở từng tiêu chí đánh giá không được phép vượt quá khung điểm quy định.

- Chữ viết tắt:

- + BGH: Ban Giám hiệu
- + BCN: Ban chủ nhiệm
- + BCS: Ban cán sự
- + CVHT: Cố vấn học tập
- + ĐGKQRL: Đánh giá kết quả rèn luyện
- + ĐRL: Điểm rèn luyện
- + HT: Hiệu trưởng
- + HK: Học kỳ
- + KQĐGRL: Kết quả đánh giá rèn luyện
- + P. CTSV: Phòng Công tác sinh viên
- + P. ĐTĐH: Phòng Đào tạo đại học
- + P. HCTH: Phòng Hành chính tổng hợp
- + SV: Sinh viên
- + TL CTSV: Trợ lý công tác sinh viên

V. Trách nhiệm:

- Sinh viên: ĐGKQRL cá nhân chính xác, đúng thời gian quy định (thực hiện trực tuyến trên hệ thống quản trị). Cung cấp đầy đủ minh chứng (nếu có) cho việc cộng/trừ ĐRL cho BCS lớp. Theo dõi các thông báo để phản hồi (nếu có) kịp thời.

- Ban cán sự lớp: đôn đốc, nhắc nhở sinh viên lớp thực hiện ĐGKQRL đúng thời gian quy định. Tổ chức họp, đánh giá và duyệt lại điểm rèn luyện cho sinh viên trên cơ sở sinh viên tự đánh giá và minh chứng kèm theo (thực hiện trực tuyến trên hệ thống quản trị).


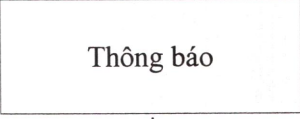
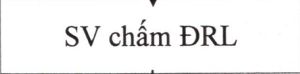

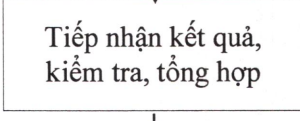
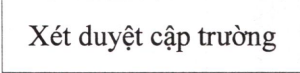
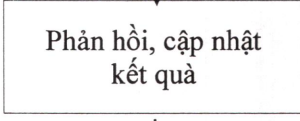
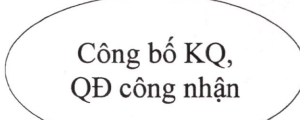
- Cố vấn học tập: đôn đốc, nhắc nhở sinh viên lớp thực hiện ĐGKQRL đúng thời gian quy định. Đánh giá và duyệt lại điểm rèn luyện cho sinh viên trên cơ sở ban cán sự lớp đánh giá sinh viên và minh chứng kèm theo. Kiểm tra, đối chiếu với kết quả sinh viên tự đánh giá (thực hiện trực tuyến trên hệ thống quản trị).

- Trợ lý công tác sinh viên các khoa: đôn đốc, nhắc nhở sinh viên lớp thực hiện ĐGKQRL đúng thời gian quy định. Đánh giá và duyệt lại điểm rèn luyện cho sinh viên sau khi đã được BCS lớp và CVHT (thực hiện trực tuyến trên hệ thống quản trị). Trình BCN khoa duyệt tổng hợp kết quả ĐGKQRL của sinh viên;

- BCN khoa: tổ chức họp, duyệt kết quả ĐGKQRL và công nhận cấp khoa
- Phòng Công tác sinh viên: lập kế hoạch ĐGKQRL, duyệt lại điểm rèn luyện cho sinh viên trên cơ sở kết quả của Khoa và minh chứng kèm theo (thực hiện trực tuyến trên hệ thống quản trị). Tổng hợp và trình kết quả lên Hội đồng ĐGKQRL cấp trường.
- Hội đồng: Hội đồng ĐGKQRL cấp trường xét duyệt KQĐRL dựa trên kết quả cấp khoa đã được phòng CTSV xác nhận
- BGH: ký kế hoạch và quyết định công nhận KQĐGRL SV.

VI. Nội dung quy trình

6.1 Sơ đồ quy trình

STT	Các bước công việc	Trách nhiệm	Biểu mẫu	Yêu cầu	Thời gian
1		- P. CTSV - BGH		Thời gian, đối tượng, nội dung cụ thể	Sau khi kết thúc mỗi HK
2		- P. CTSV - CVHT		SV biết được nội dung, tiêu chuẩn, thời gian và các yêu cầu của việc ĐGKQRL	Tháng 02, Tháng 06, Tháng 10
3		- SV	01.CTSV- ĐGKQRLSV	Chính xác, có đầy đủ minh chứng	Trong vòng 04 tuần sau thông báo
4		- BCS lớp - CVHT - TL CTSV - Khoa		Kiểm tra, xét duyệt, xác nhận công bằng, khách quan và đúng thời hạn	
5		- P. CTSV		Đầy đủ các KQĐGRL của sinh viên đã được xác nhận qua các cấp. Kiểm tra, cập nhật chính xác kết quả theo minh chứng	Trong 01 tuần sau bước 4
6		- Hội đồng	Biên bản họp	Công bằng, công khai, minh bạch, chính xác	
7		- SV - Lớp SV - CVHT - TL. CTSV - P. CTSV	Đơn phản hồi	Cập nhật, chỉnh sửa (nếu có)	Trong 01 tuần sau bước 6
8		- P. CTSV - BGH	Quyết định	SV được nhận thông báo KQĐGRL KQĐGRL được lưu trên hệ thống quản lý	

6.2 Mô tả các bước thực hiện

Bước 1. Xây dựng kế hoạch đánh giá rèn luyện sinh viên

Cuối mỗi học kỳ, P. CTSV xây dựng kế hoạch, trình BGH phê duyệt.

Bước 2. Thông báo

P. CTSV kết hợp với CVHT thông báo SV về ĐGKQRL học kỳ, hướng dẫn cách đánh giá các tiêu chí ĐGKQRL chung theo quy định.

Bước 3. SV chấm ĐRL

SV căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do Trường quy định (BM.01.CTSV-ĐGKQRLSV) (thực hiện trực tuyến trên cổng thông tin sinh viên).

Bước 4. Xét và xác nhận của Khoa

BCS lớp, CVHT, TL CTSV khoa: lần lượt đánh giá và duyệt lại điểm rèn luyện cho SV trên cơ sở SV tự đánh giá và minh chứng kèm theo (thực hiện trực tuyến trên hệ thống quản trị). TL CTSV trình BCN khoa duyệt tổng hợp kết quả ĐGKQRL và công nhận cấp khoa.

Bước 5. Tiếp nhận, kiểm tra kết quả rèn luyện

Phòng CTSV duyệt lại điểm rèn luyện cho sinh viên trên cơ sở kết quả của khoa và minh chứng kèm theo (thực hiện trực tuyến trên hệ thống quản trị). Tổng hợp, trình kết quả lên Hội đồng ĐGKQRL cấp trường.

Bước 6. Xét duyệt cấp trường

Hội đồng ĐGKQRL cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

Bước 7. Phản hồi, cập nhật kết quả

P. CTSV thông báo kết quả ĐGKQRL SV của Hội đồng ĐGKQRL cấp trường đến SV qua các kênh thông tin sinh viên. SV phản hồi theo đơn vị lớp trong 01 tuần. Trường hợp có khiếu nại, phản hồi của SV, P. CTSV tổng hợp ý kiến phản hồi và trình lại Chủ tịch Hội đồng ĐGKQRL cấp trường xem xét quyết định. P. CTSV cập nhật lại lên hệ thống quản trị kết quả cuối cùng.

Bước 8. Công bố kết quả và quyết định công nhận

P. CTSV soạn quyết định công nhận KQĐGRL của SV trình BGH ký. Thông báo KQĐGRL đến sinh viên thông qua các kênh thông tin SV...

VII. Hồ sơ lưu trữ:

TT	Tên văn bản	Bộ phận chịu trách nhiệm lưu trữ	Thời gian lưu
1	Bảng điểm ĐGKQRL SV	P. CTSV	Hết khóa
2	Biên bản họp Hội đồng cấp trường	P. CTSV	Hết khóa
3	Bản phản hồi KQĐGRL	P. CTSV	Hết khóa
4	Quyết định công nhận ĐRL	- P. HCTH - Khoa - P. CTSV	Hết khóa

VIII. Phụ lục (biểu mẫu):

TT	Biểu mẫu	Mã biểu mẫu
1	Bảng điểm ĐGKQRL SV	BM.01.CTSV-ĐGKQRLSV

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Căn cứ Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên bậc đại học, ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHYDCT ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)

Họ tên sinh viên: MSSV:

Lớp: Khoa:

Học kỳ: Năm học:

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Mức điểm	Điểm đánh giá		
			SV	Lớp	Khoa
	Tiêu chí 1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập				
	Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá				
	Điểm cộng				
1.1	Đi học đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học lý thuyết, thực hành cơ sở, thực tập bệnh viện, trực bệnh viện	3đ			
1.2	Nghiên cứu khoa học (NCKH) (Chỉ xét cho một năm học kể từ thời điểm có quyết định nghiệm thu đề tài hoặc đăng báo)				
	- Có tên trong Quyết định giao đề tài NCKH (chỉ xét cho một học kỳ trong thời gian có quyết định)	2đ			
	- Có tham gia đề tài NCKH đã được nghiệm thu	5đ			
	- Đạt giải I, II, III về hoạt động NCKH hoặc Chủ nhiệm đề tài NCKH đã được nghiệm thu	10đ			
	- Tác giả chính bài báo trong nước trong hoạt động NCKH	5đ			
	- Tác giả chính bài báo quốc tế trong hoạt động NCKH	10đ			
	- Đồng tác giả bài báo trong nước trong hoạt động NCKH	2đ			
	- Đồng tác giả bài báo quốc tế trong hoạt động NCKH	5đ			
1.3	Hoàn thành chứng chỉ ngoại ngữ, tin học (Chỉ xét cho 1 học kỳ trong thời gian nhận chứng chỉ)				
	- Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1, 2 (khung Châu Âu)	2đ			
	- Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, 4 (khung Châu Âu)	4đ			
	- Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 5, 6 (khung Châu Âu)	8đ			
	- Chứng chỉ ngoại ngữ, chứng nhận TOEFL >=500 điểm; IELTS >=5.0	10đ			
	- Chứng chỉ tin học cơ bản	2đ			
	- Chứng chỉ tin học nâng cao	5đ			

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Mức điểm	Điểm đánh giá		
			SV	Lớp	Khoa
1.4	Tham gia các kỳ thi chuyên ngành, thi Olympic, khởi nghiệp				
	- Có tham gia kỳ thi: + Cấp Trường + Cấp cao hơn - Đạt giải cấp Trường - Đạt giải cấp cao hơn	2đ 5đ 5đ 10đ			
1.5	Thành viên câu lạc bộ, đội nhóm về học tập và nghiên cứu khoa học	2đ			
1.6	Không vi phạm quy chế về thi, kiểm tra	3đ			
1.7	Cố gắng, vượt khó trong học tập (ĐTB học kỳ sau lớn hơn học kỳ trước đó và ĐTB ≥ 3.0 và không có học phần điểm F (trường hợp 2 học kỳ sinh viên đều đạt điểm 4.0 thì vẫn được ghi nhận đánh giá cộng điểm); đối với SV năm nhất, học kỳ đầu tiên đạt ĐTB ≥ 3.0 và không có học phần điểm F).	2đ			
1.8	- ĐTB chung học kỳ đạt ≥ 3.60 - ĐTB chung học kỳ đạt từ 3.20 đến 3.59 - ĐTB chung học kỳ đạt từ 2.50 đến 3.1	10đ 8đ 6đ			
	Điểm trừ				
1.9	SV bị trừ điểm trong các trường hợp: - Vắng không phép các buổi sinh hoạt, tập huấn chuyên đề - Bị cấm thi - Vi phạm vi chế về thi, kiểm tra (có biên bản)	-5đ/lần -3đ/lần -5đ/lần			
	Mức điểm tối đa Tiêu chí 1	20			
	Tiêu chí 2. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Trường				
	Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá				
	Điểm cộng				
2.1	Không vi phạm và có ý thức tham gia thực hiện nghiêm túc các quy định của Lớp, nội quy, quy chế của Trường, Khoa và các tổ chức trong Trường.	15đ			
2.2	Thực hiện nghiêm túc các buổi họp lớp, sinh hoạt đoàn thể	5đ			
2.3	- Tham gia đầy đủ các buổi lao động vệ sinh, trực gác do Trường phân công: + Cấp khoa, bộ môn thuộc Trường, phòng ban, trung tâm (có xác nhận và đóng mộc): 2đ/lần + Cấp Trường (có kế hoạch do Hiệu trưởng ký và xác nhận của Trường): 5đ/lần	Tối đa 10đ			

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Mức điểm	Điểm đánh giá		
			SV	Lớp	Khoa
2.4	Tuyên truyền và tham gia các hoạt động nâng cao ý thức của sinh viên trong việc chấp hành quy chế, nội quy của Trường, tham gia bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội trong Trường (tham gia đội thanh niên tình nguyện hoặc đội sinh viên tự quản và có ít nhất 03 hoạt động trở lên/học kỳ)	5đ			
	Điểm trừ				
2.5	SV bị trừ điểm trong các trường hợp: - Vi phạm an ninh, trật tự; an toàn giao thông (có giấy báo của cơ quan hữu quan) - Vắng 01 buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn thể - Không đóng học phí theo quy định - Học hộ hoặc đi học hộ, điểm danh hoặc điểm danh hộ các buổi học, sinh hoạt, hội thảo do Trường tổ chức - Đánh giá điểm rèn luyện không trung thực, làm giả minh chứng - Không thực hiện quy định về công tác ngoại trú, nội trú - Bị lập biên bản do vi phạm quy định về nếp sống văn minh - Không tham gia các khảo sát - Không hoàn thiện hồ sơ sinh viên theo quy định	-15đ/lần -5đ/lần -15đ -15đ -15đ -5đ/lần -5đ/lần -5đ/lần -5đ/lần			
	Mức điểm tối đa Tiêu chí 2	25			
	Tiêu chí 3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội				
	Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá				
	Điểm cộng				
3.1	Tham gia đầy đủ và có kết quả đánh giá đạt bài thu hoạch (trong lần 1) trong Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học	10			
3.2	Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao: - Cấp Trường: 3đ/hoạt động - Cấp khoa, bộ môn thuộc Trường, CLB, đội, nhóm: 1đ/hoạt động	Tối đa 6 điểm			
3.3	Là thành viên ban tổ chức các hoạt động: - Cấp Trường: 3đ/hoạt động - Cấp khoa, bộ môn thuộc Trường, CLB, đội, nhóm: 1đ/hoạt động	Tối đa 6 điểm			

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Mức điểm	Điểm đánh giá		
			SV	Lớp	Khoa
3.4	Là lực lượng nòng cốt trong các phong trào: - Cấp Trường - Cấp Khoa (và tương đương), bộ môn thuộc Trường - Cấp Lớp	6			
		4			
		2			
3.5	Nhận được chứng nhận danh hiệu Thanh niên khoẻ	3			
3.6	Tham gia xây dựng đóng góp cho Trường, quảng bá hình ảnh Trường thông qua hoạt động: tư vấn tuyển sinh, một ngày làm CTUMPER	5			
3.7	Tham gia tuyên truyền, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội khác	3			
	Điểm trừ				
3.8	SV bị trừ điểm trong các trường hợp: - Vắng 01 buổi sinh hoạt Tuần sinh hoạt công dân không đạt - Kết quả bài kiểm tra Tuần sinh hoạt công dân không đạt - Đăng ký nhưng không tham dự hoạt động đã đăng ký - Vắng 01 buổi sinh hoạt, tập huấn do Trường điều động	-5đ/lần			
		-10đ/lần			
		-5đ/lần			
		-5đ/lần			
	Mức điểm tối đa Tiêu chí 3	20			
	Tiêu chí 4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng				
	Điểm cộng				
4.1	Ý thức chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	10đ			
4.2	Có mối quan hệ đúng mức với Thầy/Cô, cán bộ, nhân viên Trường và Có mối quan hệ tốt với bạn bè trong lớp và mọi người xung quanh	5đ			
4.3	Tham gia hiến máu nhân đạo	10đ			
4.4	Tham gia hoạt động tình nguyện ngoài cộng đồng do Trường tổ chức (có kế hoạch): - Cấp Trường: 5đ/hoạt động - Cấp khoa, bộ môn thuộc Trường, CLB, đội, nhóm: 2đ/hoạt động - Được khen thưởng: 5đ	Tối đa 10đ			
	Điểm trừ				
4.5	SV bị trừ điểm trong các trường hợp: - Phát ngôn không chuẩn mực trên mạng xã hội - Gây rối, làm mất an ninh chính trị xã hội - Vi phạm quy định địa phương nơi cư trú	-10đ			
		-10đ			
		-10đ			
	Mức điểm tối đa Tiêu chí 4	20			

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Mức điểm	Điểm đánh giá		
			SV	Lớp	Khoa
	Tiêu chí 5. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện				
	Điểm cộng				
5.1	Chọn chức vụ cao nhất để tính điểm: - Lớp trưởng; Bí thư Chi đoàn; Ủy viên BCH đoàn thể cấp cao hơn Chi đoàn; BCH Hội sinh viên Trường; Liên Chi hội trưởng; Chi hội trưởng; Đội trưởng hoặc Chủ nhiệm các Đội, Nhóm, Câu lạc bộ từ cấp khoa và tương đương	10đ			
	- Là thành viên của Ban Cán sự lớp, Ban Chấp hành chi đoàn, Ban chấp hành Liên Chi hội SV, Chi hội SV Trường (trừ các thành viên ở trên)	7đ			
	- Được phân công phụ trách tổ/ nhóm học tập	3đ			
5.2	Tích cực tham gia hỗ trợ các hoạt động, phong trào của cấp Khoa, sự kiện chung của Trường có xác nhận của đơn vị tổ chức sự kiện: - Cấp Trường: 3đ/hoạt động - Cấp khoa, bộ môn thuộc Trường, CLB, đội, nhóm: 1đ/hoạt động	Tối đa 6đ			
5.3	Tích cực trong công tác Đoàn thể: - Được kết nạp Đảng, hoặc được công nhận Đoàn viên ưu tú	5			
	- Đạt danh hiệu Sinh viên 5 tốt cấp trường trở lên	5			
	- Phân loại Đảng viên được xếp loại mức 2 trở lên	5			
5.4	Đạt thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện: - Quyết định khen thưởng hoặc giấy khen cao hơn cấp Trường	10			
	- Quyết định khen thưởng hoặc giấy khen cấp Trường	8			
	- Quyết định khen thưởng hoặc giấy khen của Khoa (và tương đương), bộ môn thuộc Trường	5			
	Điểm trừ				
5.5	SV bị trừ điểm trong các trường hợp: - Cán bộ lớp, đoàn, hội không thực hiện nhiệm vụ được phân công, không tham gia các cuộc họp theo thông báo huy động của Khoa, Trường.	-5đ/lần			
	- Phân loại Đảng viên được xếp loại mức 4	-10đ			